

Số: 2028/LDA-VT

Lâm Đồng, ngày 11 tháng 06 năm 2025

V/v báo giá dự toán đơn hàng mua sắm
Vật tư đo lường và điều khiển

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp vật tư

Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV (LDA) hiện đang có nhu cầu mua sắm vật tư phục vụ sản xuất cho nhà máy Alumin.

Để có cơ sở lập dự toán đơn hàng mua sắm Vật tư đo lường và điều khiển thuộc nhu cầu mua sắm vật tư cơ điện phát sinh tháng 6 năm 2025, LDA kính mời các nhà cung cấp vật tư tham gia khảo sát và báo giá dự toán vật tư với các yêu cầu cụ thể như sau:

I. Thông tin và yêu cầu về hàng hóa, vật tư:

1. Chứng loại, danh mục, số lượng vật tư: Chi tiết theo phụ lục I kèm theo.

- Đối với các mục không chào giá thì số thứ tự Danh mục vật tư trong bảng báo giá giữ nguyên (không được xóa), các thông tin còn lại như: Số lượng; Đơn Giá; Thành tiền ghi là "0" hoặc ghi là "*Không chào giá*".

2. Yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật:

- Hàng hóa, vật tư cung cấp theo từng chủng loại do nhà cung cấp chào phải đáp ứng các yêu cầu về quy cách, đặc tính kỹ thuật như nêu tại Cột 2 Phụ lục 1 kèm theo.

- Hàng hoá chào giá là hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng.

3. Yêu cầu về nhà sản xuất (hãng sản xuất), xuất xứ hàng hóa:

Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp.

3.1 Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) khi giao hàng đối với hàng nhập khẩu; giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với hàng sản xuất trong nước hoặc văn bản tương đương được LDA chấp thuận.

+) Nhà cung cấp là đơn vị trực tiếp nhập khẩu nguyên lô, theo hợp đồng thì phải giao bản gốc CO,CQ.

+) Trường hợp NCC nhập khẩu lô lớn để phân phối, hoặc bán lẻ, hoặc không phải là đơn vị nhập khẩu trực tiếp thì Nhà cung cấp ký tên, đóng dấu xác nhận và chịu trách nhiệm trước Pháp Luật về tính trung thực của bản sao CO,CQ) trừ trường hợp được quy định cụ thể tại cột 7 – Phụ lục 1;

3.2. Ngoài các mục yêu cầu bắt buộc CO,CQ được ghi tại Cột 7 – phụ lục I thì nhà cung cấp phải cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) đối với các vật tư, phụ tùng nhập khẩu có đơn giá ≥ 50 triệu (đã bao gồm thuế, phí); giấy chứng nhận chất lượng (CQ) hoặc văn bản tương đương đối với các phụ tùng, vật tư kỹ thuật mua của các nhà sản xuất trong nước có đơn giá > 10 triệu (đã bao gồm thuế, phí).

***Lưu ý:** Các giấy tờ CO,CQ hoặc văn bản tương đương bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch ra tiếng Việt.

4. Thời gian, tiến độ cung cấp:

Thời gian, tiến độ yêu cầu tương ứng đối với từng chủng loại vật tư như nêu tại Cột 5 Phụ lục 1 kèm theo.

Trên cơ sở tiến độ yêu cầu của LDA, nhà cung cấp có thể đề xuất thời gian, tiến độ cung cấp hàng hoá thực tế của mình để LDA xem xét, quyết định.

5. Địa điểm giao nhận: Kho của LDA tại nhà máy alumina, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

6. Các yêu cầu khác:

- Điều kiện thanh toán: LDA sẽ thanh toán 95% trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ theo quy định, khoản tiền giữ lại 5% bảo hành, LDA sẽ thanh toán trong vòng 30 ngày sau khi hết hạn.

- Tạm ứng hợp đồng: LDA không áp dụng điều kiện tạm ứng hợp đồng.

II. Các yêu cầu và chỉ dẫn nộp bảng báo giá:

1. Yêu cầu bảng báo giá:

- Nhà cung cấp tham gia báo giá dự toán chuẩn bị 01 bảng báo giá dự toán (bản giấy) điền đầy đủ các thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu Phụ lục 2 kèm theo.

- Hiệu lực bảng báo giá tối thiểu 45 ngày kể từ ngày kể từ ngày báo giá.

2. Chỉ dẫn nộp bảng báo giá:

- Địa chỉ nộp, tiếp nhận Bảng báo giá:

+) Tổ tư vấn lựa chọn NCC vật tư - Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng - TKV.

+) Địa chỉ: Đường Phan Đình Phùng, Tổ 15, Thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

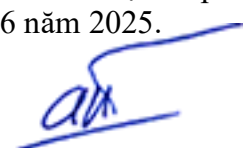
+) Điện thoại: 02633.961.682/ Fax: 02633.961.680.

- Thời điểm hết hạn tiếp nhận bảng báo giá dự toán (bản giấy) trước: 15h00 phút ngày 18 tháng 06 năm 2025.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website công ty (đăng tải);
- Giám đốc công ty;
- Tổ tư vấn LCNCC vật tư;
- Lưu VT, P.VT.



**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Đức Thái

Phụ lục 1:

CHI TIẾT THÔNG TIN, YÊU CẦU VỀ HÀNG HÓA

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.	Đồng hồ đo áp suất WIKA 432.56 hoặc tương đương (Loại có màng ngăn, đường kính mặt đồng hồ 100mm, kích thước ren 1/2 NPT, dải đo 0 ~ 1,6Mpa)	Cái	4	45 ngày	≥ 12 tháng		MT4
2.	Phụ tùng đo lưu lượng TUF-2000B+TM-1 DN50-700mm hoặc tương đương	Cái	4	45 ngày	≥ 12 tháng		MT4
3.	Đồng hồ đo lường đa chức năng METSEPM5560, Schneider hoặc tương đương	Cái	4	45 ngày	≥ 12 tháng		MT4
4.	Biến dòng 500/5A 0.5 5VA hoặc tương đương	Cái	4	45 ngày	≥ 12 tháng		MT4
5.	Cáp điều khiển có lưới chống nhiễu Sangjin 4Cx1.5mm2 hoặc tương đương	Mét	500	45 ngày			KHT500
6.	Van tiết lưu dầu Model: KC-04; LIBO hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT6
7.	Đồng hồ đo áp suất WIKA 232.50 (Đường kính mặt đồng hồ 63mm, kích thước ren 1/2 NPT, dải đo 0 ~ 4Mpa) hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT6
8.	ống dẫn khí nén PU màu xanh, Đường kính ngoài 6mm, Đường kính trong 4mm, Chất liệu nhựa PU	Mét	50	45 ngày			KHT50
9.	ống dẫn khí nén PU màu xanh, Đường kính ngoài 8mm, Đường kính trong 6mm, Chất liệu nhựa PU	Mét	50	45 ngày			KHT50
10.	Đầu nối khí nén thẳng PU6	Cái	50	45 ngày			KHT50
11.	Đầu nối khí nén thẳng PU8	Cái	50	45 ngày			KHT50

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
12.	Đầu nối khí chữ T PE-6	Cái	10	45 ngày			KHT10
13.	Đầu nối khí chữ T PE-8	Cái	10	45 ngày			KHT10
14.	Ống Nylon mềm NB0640 - 100 - Bu hoặc tương đương	Mét	100	45 ngày			KHT100
15.	Van bi tay gạt Q11F-16P DN15 PN16, ren trong, inox 304 hoặc tương đương	Cái	18	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT18
16.	Bộ lọc thông gió Mist catcher; Part number: 3014020566 sử dụng cho thiết bị phân tích VS5001, VS5002 hoặc tương đương	Cái	8	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT8
17.	Bộ lọc hơi nước Filter element; Part number: 3011005768 sử dụng cho thiết bị phân tích VS5001, VS5002 hoặc tương đương	Cái	10	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT10
18.	F-packing Part number: 3200044273 sử dụng cho thiết bị phân tích VS5001, VS5002 hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT6
19.	O-ring Part number: 3200043785 sử dụng cho thiết bị phân tích VS5001, VS5002 hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày			KHT6
20.	Filter P8, Part number: 3200691143, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Bộ	6	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT6
21.	Bộ lọc thông gió Replacement filter; Part number: 3200692834 sử dụng cho thiết bị phân tích VS5001, VS5002 hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT6
22.	Bộ lọc không khí Air filter, Part number: 3200082322, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT6
23.	Quạt (SERVICE LIST FAN), Part number: 3200701669, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	2	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT2
24.	Bộ lọc hơi nước Filter element; Part number: 3200043767 sử dụng cho thiết bị phân tích VS5001, VS5002 hoặc tương đương	Cái	14	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT14

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
25.	O-ring JIS B2401 P46 (FKM), Part number: 3030049234, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày			KHT6
26.	O-ring JIS B2401 P100 (FKM), Part number: 3200082122, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày			KHT6
27.	O-ring JIS B2401 P6 (FKM), Part number: 3030053414, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày			KHT6
28.	Replacement filter, Part number: 3200689784, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày			KHT6
29.	Bộ lọc đa phương tiện Filter media; Part number: 3200689786 sử dụng cho thiết bị phân tích VS5001, VS5002 hoặc tương đương	Cái	6	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT6
30.	LCD Board, TL-0269L2, Part number: 3200920486, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	3	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT3
31.	Cable, Part number: 3200257448, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	3	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT3
32.	Quạt, Part number: 3200763555, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	2	45 ngày			KHT2
33.	PC board EGA-MTH-01, Part number: 3200643212, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	1	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT1
34.	PC board VA-ADC-10, Part number: 3200624994, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	1	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT1
35.	POWER SUPPLY board, ZWS300BAF-24VDC, Part number: 3200511488, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	1	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT1
36.	POWER SUPPLY board, ZWS75BAF-5VDC, Part number: 3200511487, NSX: HORIBA hoặc tương đương	Cái	1	45 ngày	≥ 12 tháng		KHT1
37.	Bình khí chuẩn N2 tinh khiết 99,9995%, Dung tích 10L, áp suất nạp 150 bar ± 5%, van BS3 ren trong	Chai	1	45 ngày			KHT1

TT	Tên, chủng loại, Quy cách, đặc tính kỹ thuật	Đvt	Yêu cầu của hàng hóa, vật tư				
			SL	Tiến độ cung cấp	Yêu cầu bảo hành	Các yêu cầu khác	Ghi chú
38.	Bình khí chuẩn CO2/N2 6.5% CO2 in N2 balance Dung tích 10L, áp suất nạp 150 bar $\pm$ 5%, van BS3 ren trong	Chai	1	45 ngày			KHT1
39.	Phụ kiện van bi kèm đường ống FMT094.S.000.W2.D3.C2.S2.L4-SCA hoặc tương đương	Bộ	1	45 ngày			KHT1
40.	Thiết bị đo độ ẩm MAC125-100-230 hoặc tương đương	Bộ	1	45 ngày			KHT1
41.	Vòi phun XH full cone spray Nozzle BB 1/8", vật liệu Inox 304 (kèm phụ kiện lắp đặt, ống kết nối 18m và van khóa, đồng hồ đo áp suất nước 0 ~ 1,6 Mpa) hoặc tương đương	Bộ	4	45 ngày			KHT4

Ghi chú:

- Nhà cung cấp khảo sát tại trực tiếp tại phân xưởng của LDA, các vật tư/ phụ tùng cung cấp lắp đặt phải tương thích với thiết bị/dây chuyền hiện tại của LDA.

Phụ lục 2: Biểu mẫu báo giá dự toán

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

BẢNG BÁO GIÁ DỰ TOÁN

Kính gửi: Công ty TNHH MTV nhôm Lâm Đồng – TKV

Sau khi nghiên cứu yêu cầu báo giá dự toán số ____ [Ghi số, ngày của thư mời báo giá]. Chúng tôi, ____ [Ghi tên nhà cung cấp] trân trọng gửi bảng báo giá dự toán cụ thể như sau:

STT	Chủng loại hàng hóa/vật tư theo yêu cầu của LDA	Chủng loại hàng hóa/thông số nhà cung cấp đề xuất	Nhà sản xuất/Hãng sản xuất	Xuất xứ	Thời gian, tiến độ cung cấp	Các tài liệu, hồ sơ cam kết kèm theo (thời gian BH)	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VND)	Thành tiền (VND)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1											
2											
3											
	Tổng cộng giá chào trước thuế:										
	Thuế GTGT:										
	Tổng cộng giá chào sau thuế:										
	<i>(Bằng chữ:)</i>										

Hiệu lực báo giá:..... ngày.

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]***Ghi chú:**

- Cột số (2): Nhà cung cấp điền đúng chủng loại, thông số yêu cầu như cột (2) của phụ lục I.
- Cột số (3): Chỉ điền khi chào chủng loại hàng hóa, vật tư, thông số khác so với nhu cầu của LDA (trường hợp đúng yêu cầu của LDA thì bỏ trống).
- Cột số (4): Ghi rõ nhà sản xuất/ hãng sản xuất; xuất xứ của hàng hóa ghi vào Cột (5).
- Cột số (8) và (9): điền đvt và số lượng theo yêu cầu của LDA, trường hợp hiệu chỉnh lại đơn vị tính và số lượng theo thực tế thị trường thì nhà cung cấp ghi rõ vào phần ghi chú (cột 12).
- Cột số (10) ghi đơn giá, là đơn giá tổng hợp, bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết như giá hàng hóa (giá C&IF đối với hàng hóa nhập khẩu hoặc giá xuất xưởng đối với hàng hóa sản xuất trong nước), chi phí vận chuyển, chi phí lưu kho, chi phí bốc dỡ hàng, các khoản phí, thuế khác liên quan đến hàng hóa cho đến khi hàng hóa được bàn giao đảm bảo đạt yêu cầu tại kho của LDA.
- Đối với những mục vật tư yêu cầu phải có giấy tờ kèm theo để chứng minh nguồn gốc, xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng hàng hóa (CQ) hoặc giấy chứng nhận xuất xưởng hoặc Giấy cam kết chất lượng theo yêu cầu của hồ sơ mời chào giá khi giao hàng, thì nhà cung cấp phải ghi vào Cột 7.
- Đối với trường hợp NCC chào chủng loại hàng hóa, quy cách, đặc tính kỹ thuật bằng tiếng nước ngoài thì phải dịch song ngữ bằng tiếng Việt trong bảng báo giá.